

Bản án số: 46/2019/HS-PT

Ngày: 12 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trọng Điệp;

Ông Tôn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Khanh và ông Trần Đăng Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Quang T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Quang T (tức B), sinh ngày 21/10/1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: phường X, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình N và bà Nguyễn Thị Phương N; vợ: Hoàng Thị Thanh V; con: 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015).

Quá trình nhân thân:

- Ngày 11/01/2007, bị Công an thành phố H xử phạt hành chính “Cảnh cáo” về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 03/9/2008, bị Công an thành phố H xử phạt 95.000 đồng về hành vi “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

- Ngày 27/6/2011, bị Công an thành phố H xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Ngày 09/10/2011, bị Công an thành phố H xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi

“Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 13/02/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 12/2012/HSST).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản, khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/7/2016, Trần Quang T hẹn chị Nguyễn Thị Thanh V (trú tại thành phố H) là người quen của T đến uống cà phê tại quán Cl (ở thành phố H). Khi gặp chị V, T hỏi mượn chiếc xe mô tô hiệu Atila Elizabeth, biển số 75F1-172.64 với lý do để đi đón người yêu. Nghe vậy, chị V tin là thật nên đồng ý giao xe cho T mượn còn mình tiếp tục ngồi tại quán cà phê để chờ. Sau khi mượn được xe, T chạy đến địa chỉ thành phố H để liên hệ cầm cố xe với ông Nguyễn Văn H. T nói với ông H là chiếc xe mô tô trên là của vợ mình, do cần tiền nên cầm xe. Mặc dù T không có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhưng do không có phương tiện đi lại nên ông H vẫn đồng ý nhận cầm xe cho T với số tiền 7.500.000 đồng. T viết giấy mượn tiền rồi để xe mô tô 75F1-172.64 lại cho ông H cùng với bản photo CMND và Giấy phép lái xe mang tên Trần Quang T. Sau khi cầm được xe, T tắt điện thoại di động của mình để chị V không liên lạc được.

Do đã quá thời hạn cầm xe nhưng không thấy T đến chuộc, ông H đã nhờ anh Lê Văn T (trú tại thành phố H) kê khai, xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe mô tô cho mình. Quá trình tra cứu, Công an thành phố H phát hiện chiếc xe mô tô trên đã được cấp cho anh Nguyễn Văn B (trú tại thành phố H) đứng tên chủ sở hữu nên đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để điều tra, làm rõ.

* Về vật chứng và xử lý vật chứng đã thu giữ: 01 chiếc xe mô tô hiệu Atila Elizabeth, màu xanh, biển số 75F1-172.64, số máy ACD-024322, số khung DCD-024322.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 217/KL-HĐĐG ngày 30/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, xe mô tô hiệu Atila Elizabeth, màu xanh, biển số 75F1-172.64 có trị giá là 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định anh Nguyễn Văn B là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nói trên và theo đề nghị của chị V, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho anh B theo đúng quy định.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Trần Quang T phải bồi thường số tiền 7.500.000 đồng, hiện T chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 280, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Trần Quang T, 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 30/8/2018.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Quang T phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 7.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo cho bị cáo và đương sự khác theo quy định pháp luật.

Ngày 30/11/2018, bị cáo Trần Quang T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang T, giảm cho bị cáo 03 tháng tù và sửa quyết định của bản án sơ thẩm xử bị cáo 01 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/7/2016, tại quán Cl (ở thành phố H), Trần Quang T đã có hành vi gian dối nói với chị Nguyễn Thị Thanh V để mượn xe đi đón người yêu nhưng sau đó đã đem xe mô tô của chị V đi cầm cố cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 7.500.000 đồng. Qua định giá, xe mô tô mà T chiếm đoạt từ chị V có trị giá là 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Trần Quang T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều

139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Quang T, nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười nhác lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cố ý phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã vận động gia đình bồi thường số tiền 7.500.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H, thể hiện sự ăn năn, hối cải và tự nguyện khắc phục hậu quả về hành vi của mình nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, nhân thân bị cáo rất xấu đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không rút kinh nghiệm để phấn đấu cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là có căn cứ, không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã trả đủ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 7.500.000 đồng, nên sửa lại phần này cho phù hợp pháp luật, đồng thời sử dụng lại phần án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 258/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g khoản 1 và điểm b khoản 2, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Trần Quang T** (tức B) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 30/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Quang T đã trả đủ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 7.500.000 đồng, nên không phải trả thêm.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quang T phải chịu 200.000 đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Quang T không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT- Huế;
- Sở Tư pháp;
- TAND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS tp Huế;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa HS, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

La Minh Tường